

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 61/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2025
“V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quới.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lương Thị Hoàng Kim;
- Bà Phạm Thị Nhung.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 136/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2025/QĐST-HN ngày 22 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nèang N, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ C ấp Đ, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Chau R, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ C ấp Đ, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt (nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nèang N trình bày:

Bà và ông Chau R tự tìm hiểu nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2004, đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V ngày 12/2/2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm

2014 thì Chau R bắt đầu tụ tập đá gà, sử dụng ma túy, không quan tâm đến vợ con và hiện giờ ông Chau R đi làm công nhân ở Long An. Xét thấy vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, không còn tình cảm với Chau R nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Chau R.

Về con chung: Chau Monl, sinh ngày 19/9/2005 (đã trưởng thành); Chau Mít, sinh ngày 24/01/2012 và Chau Bun N1, sinh ngày 23/11/2022. Hiện do bà N đang nuôi dưỡng, tôi yêu cầu nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông Chau R cấp dưỡng nuôi con;

Tài sản chung: không có, không yêu cầu toà án giải quyết;

Nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Trong quá trình giải quyết vụ án do Chau M đang sống với bà N ở Long An nên Toà án không ghi được ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, cơ bản thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS).

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng, nguyên đơn cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, 72 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Xét thấy về tình cảm, nguyên đơn và bị đơn không còn hạnh phúc do bị đơn không quan tâm đến vợ con, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xem xét cho ly hôn.

Về con chung: Chau Monl, sinh ngày 19/9/2005 (đã trưởng thành); Chau Mít, sinh ngày 24/01/2012 và Chau Bun N1, sinh ngày 23/11/2022. Hiện đang sống cùng bà Nèang N và bà cũng có yêu cầu nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, ông Chau R không có ý kiến về con chung nên cần xem xét giao hai con chung cho bà N2 Nho nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Nèang N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn Chau Rông; bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp Đ, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

Về nội dung:

[3] Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã T, tỉnh An Giang nên được xem là hôn nhân hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, vợ chồng phải thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ và sống chung với nhau, bị đơn đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, trong đó có thông báo về phiên hòa giải và bị đơn không đến Tòa án tham dự, cho thấy bị đơn không có thiện chí trong việc hoà giải đoàn tụ, vun bồi hạnh phúc gia đình. Do đó, việc hàn gắn mâu thuẫn cùng nhau xây dựng, chăm lo cuộc sống gia đình là không thể thực hiện được.

Đồng thời theo biên bản xác minh tại ấp Đ cho biết “ông Chau R đi lao động ngoài tỉnh chỉ về trong các dịp lễ tết” cũng phù hợp với lời khai của nguyên đơn.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về con chung: Chau Monl, sinh ngày 19/9/2005 (đã trưởng thành); Chau Mít, sinh ngày 24/01/2012 và Chau Bun N1, sinh ngày 23/11/2022. Từ khi ly thân, con chung do bà Nèang N nuôi dưỡng, tuy không có ý kiến của cháu Chau M và việc sống ai khi cha mẹ ly hôn và ông Chau R cũng không có ý kiến gì về con chung. Nhưng xét thấy, để tránh thay đổi môi trường sống của cháu nên việc giao con chung cho bà N2 Nho nuôi dưỡng là phù hợp, đúng quy định.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định.

Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nèang N;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nèang N được ly hôn ông Chau R.

[2] Về con chung: Bà Nèang N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Chau M, sinh ngày 24/01/2012 và Chau Bun N1, sinh ngày 23/11/2022; ông Chau R không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nèang N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Chau R trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Bà Nèang N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0017738 ngày 31/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên. Bà N đã nộp đủ án phí.

Ông R không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tịnh Biên (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TX. Tịnh Biên (1);
- UBND xã Văn Giáo (1);
- Các đương sự (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu Văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Quới